TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 – 2023
V/v *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Bình Trọng.
2. Ông Trần Văn Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1993
Nơi ĐKHKTT: Khu 5, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Số nhà 10/58 Trần Xuân Soạn, Phường Đông Thọ, TP, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Trọng H, sinh năm 1991.
Nơi ĐKHKTT: 01 Trần Phú, Phường Điện Biên, TP, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn Tam Xuyên, xã Đ1, huyện Đ, Thanh Hóa.
Nơi công tác: Công an xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên toà có mặt chị Q, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 07 tháng 4 năm 2023, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trọng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 15/4/2018. Ngày 06/12/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Trọng H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 06/11/2018. Hiện tại cháu Quân đang ở với chị và chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu Quân, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 6 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Trọng H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2018 tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng do bản thân anh làm ăn thua lỗ, chị Q phải trả một số nợ nên vợ chồng có một số quan điểm không thống nhất. Chị Q đã chuyển ra ở riêng và vợ chồng mỗi người một nơi, sống ly thân từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, gọi điện nói chuyện chỉ hỏi thăm con cái. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được với nhau. Anh đã nói chuyện với chị Q để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị Q không đồng ý. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn bình thường nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 06/11/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị Q. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 29/6/2023, chị Q và anh H không thống nhất được về quan hệ hôn nhân; Về con chung, chị Q và anh H thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Trọng Q cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và công nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H; về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực

hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Q, xử cho chị Đỗ Thị Q được ly hôn anh Lê Trọng H; Về con chung: Giao cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 06/11/2018 cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Trọng H là bị đơn, hiện đang công tác tại Công an xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Đỗ Thị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về hôn nhân:

Chị Đỗ Thị Q và anh Lê Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/12/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh H nhận thấy do bản thân làm ăn thua lỗ, chị Q phải đứng ra trả một số nợ riêng cho anh nên vợ chồng có một số quan điểm không thống nhất. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Chị Q làm đơn

xin ly hôn, anh H xét thấy tình cảm vợ chồng bình thường nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Q và anh H đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2020 đầu năm 2021 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị Q và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và tổ chức phiên hòa giải lần thứ hai nhưng anh H đều vắng mặt. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị Q được ly hôn anh Lê Trọng H.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Q và anh Lê Trọng H có 01 con chung, cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 06/11/2018. Lâu nay cháu Quân đang ở với chị Q. Chị Q có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc cháu Quân. Tại buổi hòa giải ngày 29/6/2023, chị Q và anh H đều thống nhất thỏa thuận, giao cháu Quân cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Q và anh H thống nhất thỏa thuận với nhau là tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận sự tự nguyện của đương sự, giao cháu Lê Trọng Q cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2023 đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đỗ Thị Q và anh Lê Trọng Q đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Q khởi kiện vụ án ly hôn nên chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Trọng H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83,110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27, Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Đỗ Thị Q được ly hôn anh Lê Trọng H.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Trọng Q, sinh ngày 06/11/2018 cho chị Đỗ Thị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Lê Trọng H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2023 đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Đỗ Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Q đã nộp theo biên lai thu số: AA/2022/0001390 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Anh Lê Trọng H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Đỗ Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Trọng H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND Thị trấn T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa